

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 37/2020/HS-ST

Ngày: 22/9/2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tím.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quang Hiền; Ông Nguyễn Quang Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Bun – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Ông Tống Mạnh Cường – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2020/HS - ST ngày 01 tháng 9 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đức H₁, sinh ngày 02/9/2001; nơi sinh: tỉnh Đắk Nông; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Bon D, thị trấn M, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn X, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1977; bị tạm giam từ ngày 29/6/2020 - Có mặt.

2. Nguyễn Ngọc H₂, sinh năm 1997 nơi sinh: tỉnh Đắk Nông; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn Th, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1974 và bà Võ Thị Kim T, sinh năm 1975; bị tạm giam từ ngày 29/6/2020 - Có mặt.

- Bị hại: Ông Đỗ Văn Tr và bà Chung Thị M; Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn M, huyện K, tỉnh Đắk Nông - Có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm:

Bà Trần Thị Minh H; địa chỉ: Thôn Nam Tr, xã Đ, huyện K, Đắk Nông - Vắng mặt

Anh Nguyễn Kim T; địa chỉ: Thôn Ng, xã Đ, huyện K, Đắk Nông - Có mặt

Anh Trương Công Q; địa chỉ: Thôn Ng, xã Đ, huyện K, Đắk Nông - Có mặt

Anh Đinh Mạnh S; địa chỉ: Thôn Ngh, xã Đ, huyện K, Đắk Nông - Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 28/6/2020 Nguyễn Đức H₁, Nguyễn Ngọc H₂ và Nguyễn Kim T cùng nhau nhậu, sau đó T về nhà và H₁ có nói với H₂ “mày có giám đi trộm xe bán lấy tiền đi Sài Gòn không? H₂ trả lời “Đi thì đi”. Sau đó H₂ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 36K3 – 0091 mà trước đó H₂ mượn của bà Trần Thị Minh H và chở H₁ đi từ trục 9 xã Đ về hướng trung tâm thị trấn M để đi tìm nhà ai có tài sản sơ hở để trộm cắp. Khi đi ngang qua nhà ông Đỗ Văn Tr, bà Chung Thị M thuộc tổ 4, thị trấn M, huyện K phát hiện có 01 chiếc xe mô tô, nên H₁ nói H₂ dừng xe lại để H₁ vào lấy. H₁ đi vào thấy cửa cổng không khóa nên đi lại gần chiếc xe mô tô hiệu PaLoMa màu đen đỏ, biển kiểm soát 48F6 – 4610, H₁ phát hiện chìa khóa xe vẫn còn cắm trong ổ khóa điện, nên H₁ dắt xe ra đường rồi nổ máy và cùng H₂ chạy xe về hướng đập tràn (xã Đ). Tới nơi H₁ bẻ biển kiểm soát và kẹp vào Gacbaga. Sau đó H₁ và H₂ đến nhà Nguyễn Kim T, thì thấy đóng cửa nên qua hàng xóm nhà anh T là anh Trương Công Q để mượn điện thoại của anh Q để gọi cho T nhưng T không nghe máy, nên H₁ và H₂ đến nhà T. H₁ vào phòng anh T và mượn điện thoại của anh T để gọi cho Đinh Mạnh S để hỏi về việc bán xe. Do lúc đó S không có nhà nên bảo H₁ đưa xe đến ngôi nhà không có người ở của bạn S ở gần khu vực thác Dray Sáp (thôn L, xã S) để hôm sau S về xem.

Đến khoảng 8 giờ 30 phút ngày 29/6/2020 H₁ mượn điện thoại của bà Trần Thị Minh H gọi điện thoại cho T để nhờ T đón và chở H₂ đến chỗ cất xe trộm cắp được, còn H₁ ở nhà bà H. Khi H₂, T, S đến ngôi nhà gỗ không có người ở để xem xe thì bị lực lượng Công an huyện Krông Nô phát hiện và yêu cầu về trụ sở làm việc.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 31, ngày 29/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Krông Nô xác định giá trị tài sản là chiếc xe mô tô hiệu PaLoMa màu đen đỏ, biển kiểm soát 48F6 – 4610 có giá trị tại thời điểm ngày 28/6/2020 là 2.150.000 đồng.

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Nô thu giữ:

01 chiếc xe mô tô hiệu PaLoMa màu đen đỏ không biển kiểm soát đã qua sử dụng.

Cáo trạng số: 39/CTr-VKS ngày 31/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô đã truy tố các bị cáo Nguyễn Đức H₁ và Nguyễn Ngọc H₂ về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô đã truy tố.

Bị hại bà Chung Thị M không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô thực hành quyền công tố luận tội và tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức H₁, Nguyễn Ngọc H₂ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H₁ từ 09 đến 12 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 29/6/2020

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H₂ từ 06 đến 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 29/6/2020.

Đối với chiếc xe mô tô mà H₁, H₂ sử dụng để đi trộm cắp, đây là chiếc xe mà trước đó H₂ mượn của bà Trần Thị Minh H để đi lại. Việc các bị cáo sử dụng xe để đi trộm cắp tài sản thì bà H không biết, nên không đề cập xử lý.

Đối với hành vi của Đinh Mạnh S là người hỏi mua tài sản của các bị cáo trộm cắp được, tuy nhiên S không biết đó là tài sản trộm cắp, nên không có căn cứ xử lý đối với S.

Đối với Nguyễn Kim T là người cho H₁ mượn điện thoại để gọi cho Đinh Mạnh S và chở H₂ từ xã Đ đến chỗ H₁, H₂ cất giấu tài sản trộm cắp. Tuy nhiên T không biết việc H₁, H₂ mượn điện thoại cũng như chở H₂ đi giao dịch mua bán xe trộm cắp được cũng như không được hứa hẹn chia tiền, nên không có cơ sở xử lý đối với T.

Về trách nhiệm dân sự: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị hại không yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự. Chấp nhận Cơ quan CSĐT công an huyện Krông Nô trả 01 xe mô tô hiệu chiếc xe mô tô hiệu PaLoMa màu đen đỏ cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Đỗ Văn Tr.

Các bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Nô, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2]. Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 28/6/2020, tại tổ dân phố 4, thị trấn Đắk Mâm, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông, Nguyễn Đức H₁ và Nguyễn Ngọc H₂ đã có hành vi lén lút trộm cắp chiếc xe mô tô hiệu PaLoMa màu đen đỏ, biển kiểm soát 48F6 – 4610 trị giá 2.150.000 đồng của gia đình ông Đỗ Văn Tr. Như vậy, hành vi của các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:”.

[3]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra và nhân thân của các bị cáo:

[3.1]. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo hình phạt tương xứng để giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống; đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

Khi thực hiện hành vi phạm tội giữa các bị cáo không có sự phân công trách nhiệm, không có sự cấu kết chặt chẽ nên hành vi mà các bị cáo thực hiện thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Bị cáo H₁ là người rủ rê bị cáo H₂ đi trộm cắp tài sản nên cần xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H₁ mức hình phạt cao hơn bị cáo Nguyễn Ngọc H₂.

[3.2]. Về nhân thân của các bị cáo: Ngày 29/6/2017 bị cáo Nguyễn Đức H₁ bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục và cơ sở giáo dục bắt buộc, thời hạn 24 tháng do hành vi trộm cắp tài sản; Ngày 19/4/2020 có hành vi đánh nhau nên bị Công an huyện Krông Nô xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền (bị cáo chưa chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính).

[3.2]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại phiên tòa, bị hại bà Chung Thị M đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do đó Hội đồng xét xử có căn cứ để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

Đối với chiếc xe mô tô mà H₁, H₂ sử dụng để đi trộm cắp, đây là chiếc xe mà trước đó H₂ mượn của bà Trần Thị Minh H để đi lại. Việc các bị cáo sử dụng xe để đi trộm cắp tài sản thì bà H không biết, nên không đề cập xử lý.

Đối với hành vi của Đinh Mạnh S là người hỏi mua tài sản của các bị cáo trộm cắp được, tuy nhiên S không biết đó là tài sản trộm cắp, nên không có căn cứ xử lý đối với S.

Đối với Nguyễn Kim T là người cho H₁ mượn điện thoại để gọi cho Đinh Mạnh S và chở H₂ từ xã Đ đến chỗ H₁, H₂ cất giấu tài sản trộm cắp. Tuy nhiên T không biết việc H₁, H₂ mượn điện thoại cũng như chở H₂ đi giao dịch mua bán xe trộm cắp được cũng như không được hứa hẹn chia tiền, nên không có cơ sở xử lý đối với T.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[5]. Về biện pháp tư pháp: Xử lý vật chứng: Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Krông Nô trả 01 xe mô tô hiệu PaLoMa màu đen đỏ cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Đỗ Văn Tr.

[6]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Đức H₁ và Nguyễn Ngọc H₂ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H₁ 12 (Mười hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam từ ngày 29/6/2020.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H₂ 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam từ ngày 29/6/2020.

2. Về biện pháp tư pháp:

Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Krông Nô trả 01 xe mô tô hiệu trả 01 xe mô tô hiệu PaLoMa màu đen đỏ cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Đỗ Văn Tr

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Đức H₁, Nguyễn Ngọc H₂ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Bộ phận HSNVCS-CA huyện Krông Nô;
- Cơ quan THAHS-CA huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện Krông Nô;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Tím